

Số: 452/2026/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 07 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào: Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Luật Phí và Lệ phí 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 121/2014, Quyền số 01/2014 ngày 05/09/2014 tại UBND phường P, quận H, thành phố Hà Nội (Nay là phường H, thành phố Hà Nội).

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 414/2026/TLST-HNGĐ ngày 30/3/2026 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người yêu cầu sau đây:

- **Chị Trần Thị Thanh L**, sinh ngày 03/01/1990; CCCD số 034190010647; Ngày cấp: 03/01/1990; Nơi cấp: Cục C1 về TTXH; Nơi thường trú: Căn hộ chung cư 2203, Tòa nhà C – Dự án nhà ở hỗn hợp và một phần làm nhà ở cho CBCS thuộc Cục cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, TDP A, phường Đ, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Số A BT4-3 Khu nhà ở T - Tổ dân phố B, phường Đ, thành phố Hà Nội.

- **Anh Vũ G**, sinh ngày: 15/9/1988; CCCD số 034088013328; Ngày cấp: 09/3/2026; Nơi cấp: Bộ C2; Nơi thường trú: Số A đường P, phường H, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: TDP A, phường Đ, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **Về tình cảm:** Anh Vũ G và chị Trần Thị Thanh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 05/09/2014 tại UBND phường P, quận H, thành phố Hà Nội (Nay là phường H, thành phố Hà Nội). Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với nhau hạnh phúc một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, hai vợ chồng không hòa hợp, không có tiếng nói chung. Vợ chồng anh chị và hai bên gia đình đã nhiều lần hàn gắn, cố gắng hòa giải nhưng không thể đoàn tụ. Nay anh chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Hà Nội công nhận thuận tình ly hôn. Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội nên cần được ghi nhận.

[2] **Về con chung:** Anh Vũ G và chị Trần Thị Thanh L có 02 con chung là cháu Vũ Anh C, sinh ngày 27/02/2015 (N) và cháu Vũ Nhật T, sinh ngày 23/8/2022 (Nam); Ngoài ra, anh chị không có con chung, con nuôi nào khác. Anh chị thỏa thuận, thống nhất giao chị Trần Thị Thanh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vũ Anh C và cháu Vũ Nhật T. Anh Vũ G tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi hai con chung là 6.000.000 VND/tháng/02 con (Sáu triệu đồng/Một tháng/Hai con), cụ thể là 3.000.000 VND/tháng/01 con (Ba triệu đồng/Một tháng/Một cháu) cho đến khi cháu Vũ A C và cháu Vũ Nhật T trưởng

thành, đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Xét yêu cầu của anh chị là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được Tòa án ghi nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Chị **Trần Thị Thanh L** tự nguyện chịu cả 300.000 VND (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc thuận tình ly hôn và cấp dưỡng nuôi con chung sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh **Vũ G** và chị **Trần Thị Thanh L**.

- Về con chung: Anh **Vũ G** và chị **Trần Thị Thanh L** có 02 con chung là cháu **Vũ Anh C**, sinh ngày 27/02/2015 (**N**) và cháu **Vũ Nhật T**, sinh ngày 23/8/2022 (**N1**).

+ *Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự:* Giao chị **Trần Thị Thanh L** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **Vũ A C** và cháu **Vũ Nhật T** cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

+ *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:* Anh **Vũ G** tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi hai con chung là 6.000.000 VND/tháng/02 con (Sáu triệu đồng/Một tháng/Hai con), cụ thể là 3.000.000 VND/tháng/01 con (Ba triệu đồng/Một tháng/Một cháu) cho đến khi cháu **Vũ A C** và cháu **Vũ Nhật T** trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

+ *Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung:* Anh **Vũ G** có quyền thăm nom, chăm sóc các con chung mà không bị ngăn cấm, cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/ Về lệ phí: Chị **Trần Thị Thanh L** tự nguyện chịu cả 300.000 VND (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc thuận tình ly hôn và cấp dưỡng nuôi con chung sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị đã nộp theo biên lai số: 0007415 ngày 30/3/2026 tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4 - Hà Nội. Ghi nhận chị **Trần Thị Thanh L** đã nộp đủ lệ phí.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Vũ Quang H